

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-03-2021

V/v tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Từ Văn A, sinh năm 1979 (có mặt)

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm 1981(vắng mặt không có lý do)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Từ Thị Mỹ C, sinh năm 2004 (vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Từ Văn A trình bày:

Ông Từ Văn A và bà Đỗ Thị Ngọc B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh

phúc. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà B thường xuyên giận dỗi vô cớ, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, bà B đã sống ly thân với ông A từ cuối năm 2019 và đi khỏi địa phương cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông A và bà B có 01 người con chung là cháu Từ Thị Mỹ C, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2004 và hiện nay đang do ông A nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông A không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm, theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Từ Thị Mỹ C có nội dung được tóm tắt như sau:

Cháu C là con của ông A, bà B. Hiện nay cháu đang ở với ông A, nên sau khi ông A và bà B ly hôn thì cháu đồng ý ở với ba là ông A.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :***

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về phía bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà Đỗ Thị Ngọc B vẫn vắng mặt mà không có lý do là đương nhiên từ chối quyền và nghĩa vụ của mình nên cần áp dụng Điều 227; 228 xét xử vắng mặt bà B.

Đồng thời, do ông A và bà B chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn

thi hành luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố ông A, bà B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Từ Thị Mỹ C, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2004 cho ông Từ Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn do ông Từ Văn A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là bà Đỗ Thị Ngọc B cư trú tại: Thôn 5, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần và đã thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà B vẫn không tham gia tố tụng nên xem như bà B đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là ông Từ Văn A cho thấy, ông và bà Đỗ Thị Ngọc B chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ giữa ông A, bà B là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông A và bà B có 01 người con chung là Cháu Từ Thị Mỹ C, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2004 hiện nay do ông A đang chăm sóc. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời khai của ông A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C cho đến khi đủ 18 tuổi. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù

Gia Mập đối với cháu C thì cháu cũng có nguyện vọng muốn ở cùng ông A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu, nghĩ cần thiết phải giao người con chung là cháu C cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông A phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 85; 89; 91; 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ Văn A về việc tranh chấp “Ly hôn”.

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố ông Từ Văn A và bà Đỗ Thị Ngọc B không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Từ Thị Mỹ C, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2004 cho ông Từ Văn A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Từ Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019131, Quyết số 000383 ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh

